

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2017/HSST
Ngày 05/7/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên toà: Ông Lê Đình Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Lò Văn Ổn
Bà: Bạc Thị Kiên

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Lương Văn Đoản - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Đại diện VKSND huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Ông Hứa Ngọc Thông, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Ngày 05/7/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên. Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 164/2017/HSST ngày 20 tháng 6 năm 2017 đối với:

1. Bị cáo: Mùa A D, sinh năm 1984, sinh tại tỉnh Yên Bái; Tên gọi khác: Mùa A Tủa

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Bản Tân Ng, xã Núa Ng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Không biết chữ

Dân tộc: Mông; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không

Con ông: Mùa A S - SN 1954; con bà: Sùng Thị S - SN 1956

Gia đình bị cáo có 09 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ 4 trong gia đình

Vợ, con: Chưa có

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/3/2017 đến ngày xét xử, bị cáo có mặt tại phiên toà.

2. Người có nghĩa vụ liên quan: Vì Văn T - SN 1979, vắng mặt

Trú tại: Bản Na Sang 1, xã Núa Ng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên

3. Người bào chữa cho bị cáo: Bà Lê Thị Diệu

Chức vụ: Trợ giúp viên - Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

NHẬN THẤY

Bị cáo Mùa A D bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 20/3/2017 Mùa A D một mình đến khu vực bờ suối thuộc bản Tân Ng, xã Núa Ng, huyện Điện Biên để tìm mua hêrôin về để sử dụng và bán lẻ kiếm lời. Tại đây D đã gặp và trao đổi với một người phụ nữ dân tộc Mông khoảng 40 tuổi không rõ tên và địa chỉ mua được 01 gói được gói bằng nilon màu hồng, bên trong có 13 gói đều gói bằng nilon màu hồng với giá 300.000 đồng. Sau khi mua được D về nhà rồi lấy 2 gói cất vào túi quần bên trái đang mặc, số còn lại D cất vào ống tre đầu cột nhà D. Khoảng 10 giờ 30 cùng ngày, tại nhà bị cáo D, D đã bán cho Vì Văn T sinh năm 1979 trú tại Bản Na Sang 1, xã Núa Ng, huyện Điện Biên 01 gói hêrôin được gói bằng nilon màu hồng lấy ở trong túi quần bên trái D đang mặc với giá tiền là 100.000 đồng. Sau khi mua được, T đi ra ngoài đầu bản Na Sang 1, xã Núa Ng sử dụng hết.

Đến 11 giờ cùng ngày khi D đang ở nhà thì tổ công tác Công an huyện Điện Biên vào nhà kiểm tra phát hiện bắt quả tang thu giữ tại túi quần bên trái D 01 gói hêrôin được gói bằng nilon màu hồng và 01 tờ tiền có mệnh giá 100.000 đồng. Khám xét khẩn cấp nhà bị cáo D đã thu giữ tại ống tre đầu cột nhà 11 gói hêrôin đều được gói bằng nilon màu hồng.

Tại biên bản mở niêm phong xác định trọng lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng hồi 17 giờ 00 phút ngày 20/3/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Điện Biên thì mẫu chất bột màu trắng đục nghi là hêrôin thu giữ khi bắt của tang có trọng lượng là 0,11 gam gửi toàn bộ giám định. Trọng lượng mẫu chất bột màu trắng nghi hêrôin thu giữ qua khám xét nhà D có có trọng lượng 0,61 gam, trích mẫu 0,11 gam đi giám định. Tổng trọng lượng đã thu giữ là 0,72 gam

Kết luận giám định số 407/GĐ-PC54 ngày 08/5/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên thì mẫu chất bột màu trắng thu giữ khi bắt quả tang và mẫu thu giữ qua khám xét đều là hêrôin. Không hoàn lại mẫu vật còn lại sau khi giám định

Bản Cáo trạng số 98/QĐ-VKS-HS ngày 19/6/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên truy tố bị cáo Mùa A D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194/BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên luận tội bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 194, Điểm p khoản 1 điều 46 BLHS tuyên phạt bị cáo từ 30 đến 36 tháng tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng Điểm b khoản 1 điều 41 BLHS; Điểm a, c khoản 2 Điều 76/BLTTHS về xử lý vật chứng: Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 100.000 đồng, tịch thu

tiêu hủy 0,72 gam hêrôin đã trích mẫu 0,22 gam giám định không hoàn lại mẫu là vật chứng vụ án.

Về án phí: Căn cứ Điều 99 BLTTHS, Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị HĐXX xem xét miễn án phí cho bị cáo

Người bào chữa: Nhất trí với Cáo trạng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử của tòa án là đúng người đúng tội đúng pháp luật. Nhất trí với luận tội của Đại diện Viện kiểm sát về việc đề nghị Tòa án áp dụng điểm p khoản 1 điều 46 BLHS, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo và việc đề nghị miễn án phí cho bị cáo. Tuy nhiên người bào chữa đưa ra các luận điểm đề nghị HĐXX xem xét: Là người dân tộc thiểu số có nhận thức pháp luật còn hạn chế, trọng lượng hêrôin ở mức thấp, không có tiền án tiền sự, không có tình tiết tăng nặng nào, đề nghị HĐXX xem xét áp dụng mức thấp nhất của khung hình phạt.

Đại diện VKS đối đáp tranh luận: Bị cáo đã bị Tòa án xét xử tuy đã được xóa án tích xong là người có nhân thân xấu, bị cáo phải nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật song cố tình thực hiện hành vi phạm tội thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Trọng lượng hêrôin bị thu giữ là 0,72 gam không phải ở mức khởi điểm truy tố mà trước đó bị cáo đã bán cho Vi Văn Tính nên trọng lượng không xác định được cũng là yếu tố để HĐXX xem xét. Việc áp dụng mức hình phạt từ 30 đến 36 tháng tù là phù hợp.

Bị cáo hoàn toàn nhất trí với lời bào chữa, không có ý kiến gì thêm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với cáo trạng truy tố cũng như vật chứng thu giữ.

Xét hành vi phạm tội: Ngày 20/03/2017 bị cáo đã có hành vi cất giấu trong người và trong nhà 0,72 gam hêrôin với mục đích để sử dụng và bán lẻ kiếm lời.

Trước đó vào hồi 10 giờ 30 phút ngày 20/3/2017 Bị cáo D đã bán cho Vi Văn T để sử dụng 01 gói hêrôin với giá 100.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã hoàn thành với lỗi cố ý trực tiếp. Với mục đích mua ma túy nhằm sử dụng và đã bán trái phép cho người khác thì hành vi của bị cáo đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 194/BLHS năm 1999.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy. Với mối nguy hại của chất ma túy đối với gia đình và toàn xã hội, Đảng, Nhà nước và nhân dân đang tích cực đấu tranh phòng và chống tội phạm về ma túy thì bị cáo vì mục đích sử dụng của bản thân và hám lợi nên đã tiếp tay cho tệ nạn và tội phạm mua bán ma túy phát triển gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên truy tố bị cáo là đúng người,

đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

Xét tính chất mức độ phạm tội: Tổng trọng lượng Hêrôin bị thu giữ là 0,72 gam với mục đích là để sử dụng và bán lẻ kiếm lời thì hành vi của bị cáo là nghiêm trọng và phải chịu trách nhiệm hình sự về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194/BLHS năm 1999 có khung hình phạt từ 02 đến 07 năm tù.

Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo sinh ra và lớn lên tại Yên Bái, không đi học ở nhà cùng gia đình. Năm 1996 chuyển đến sinh sống tại bản Tân Ng, xã Núa Ng, huyện Điện Biên. Ngày 30/8/2007 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xử phạt 02 năm tù về tội: “Vận chuyển trái phép chất ma túy”, đến ngày 22/12/2008 chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương sinh sống. Bị cáo đã được xóa án tích. Sử dụng chất ma túy từ năm 2006. Bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng bị cáo là người có nhân thân xấu. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46/BLHS. Hội đồng xét xử cân nhắc giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhưng vẫn phải nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo cố gắng cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội. HĐXX căn cứ vào hành vi, tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, nhân thân người phạm tội, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt là có căn cứ chấp nhận phù hợp với các quy định của pháp luật.

Theo khoản 5 Điều 194/BLHS quy định bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Song xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo không có khả năng thi hành, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về nguồn gốc số hêrôin bị thu giữ bị cáo khai mua của người phụ nữ dân tộc Mông không rõ tên và địa chỉ. Quá trình điều tra không có cơ sở để xác minh, làm rõ. Hội đồng xét xử không xem xét.

Vật chứng của vụ án là 0,72 gam hêrôin gửi giám định 0,22 gam không hoàn lại, còn lại 0,5 gam cần được tịch thu tiêu hủy và số tiền 100.000 đồng thu giữ do bán ma túy mà có cần tịch thu sung quỹ nhà nước theo điểm b khoản 1 Điều 41 BLHS; Điểm a, c khoản 2 Điều 76 BLTTHS.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 99 BLTTHS: Xét thấy người bào chữa và đại diện Viện kiểm sát đều có đề nghị HĐXX xem xét miễn án phí cho bị cáo, do bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Song căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 99 BLTTHS: Xét đề nghị trên không có căn cứ chấp nhận. Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Mùa A D (Mùa A T) phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*"

- Áp dụng khoản 1 Điều 194; Điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS: Xử phạt bị cáo 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 20/3/2017

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 BLHS; Điểm a, c khoản 2 Điều 76 BLTTHS. :

Tịch thu tiêu huỷ 0,72 gam hêrôin, gửi giám định 0,22 gam không hoàn lại mẫu, còn lại 0,5 gam. Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 100.000 đồng.

(Toàn bộ vật chứng đã được Công an huyện Điện Biên bàn giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên hồi 14 giờ 40 phút ngày 30 tháng 6 năm 2017)

3. Án phí: Áp dụng Điều 99/BLTTHS; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo. Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 05/7/2017.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- Nhà tạm giữ Công an HDB;
- VKSND huyện Điện Biên;
- Công an huyện Điện Biên;
- Chi cục THADS huyện Điện Biên;
- Bị cáo, THA Hình sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Đình Hà